

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC A – CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2026/HS-ST
Ngày 06 - 02- 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Nhạn

Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Loan là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực A - Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực A - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 60/2025/TLST-HS, ngày 12 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2025/QĐXXST-HS, ngày 26 tháng 11 năm 2025, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 26/TB-TA ngày 17 tháng 12 năm 2025, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 01/TB-TA ngày 12 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: LÂM HỒNG N sinh ngày 15 tháng 11 năm 1983 tại Trà Vinh (nay là tỉnh Vĩnh Long); Nơi thường trú: Ấp 4, xã G, tỉnh Cà Mau. Nơi cư trú: Ấp 5, xã G, tỉnh Cà Mau. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Hồng L và bà Từ Thị M; có vợ: Lâm Thị T và 03 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

*** Bị hại:** Ông Huỳnh Văn P, sinh ngày 02 tháng 02 năm 1953. Nơi cư trú: Ấp 3, xã G, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2023 Ông Huỳnh Văn P, mua 15 lượng vàng SJC rồi cho vào hũ thủy tinh chôn xuống phần đất trong khuôn viên hàng rào ngay phía sau nhà ở tại ấp 3, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp 3, xã G, tỉnh Cà Mau) để cất giữ. Sau đó, ông đi thành phố Cần Thơ sinh sống, giao lại

quyền quản lý căn nhà cho con trai là anh Huỳnh Văn H mà không cho anh H biết việc cất giữ số vàng tại vị trí trên. Đến ngày 03 tháng 4 năm 2024 anh Hậu thuê bị cáo Lâm Hồng N đến sửa chữa nhà và chỉ cho bị cáo đào đất tại vị trí Ông P chôn vàng để đặt ống nước, chỉ xong anh Hậu đi làm việc nhà. Khi đào đất bị cáo tìm thấy 01 túi nylon màu đen, bên trong có 01 hũ thủy tinh, mở nắp hũ thủy tinh bị cáo phát hiện bên trong có 01 túi vải có nhiều lượng vàng. Bị cáo lấy vàng bỏ vào túi quần đang mặc rồi tiếp tục làm việc, sau đó mang 12 lượng vàng về nhà tại ấp 5, xã G, tỉnh Cà Mau cất giấu và mang 03 lượng vàng đi bán được số tiền 222.000.000 đồng. Bị cáo dùng số tiền bán vàng mua lại 01 chiếc nhẫn vàng giá 13.600.000 đồng, 02 chiếc bông tai vàng giá 2.700.000 đồng, cho bà Sơn Xà Phil 30.000.000 đồng, chi xài cá nhân và trả nợ hết 155.700.000 đồng, còn giữ lại 20.000.000 đồng.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, Ông P về nhà kiểm tra thì phát hiện 15 lượng vàng SJC ông chôn để cất giữ đã bị mất. Qua kiểm tra thông tin xác định chỉ có bị cáo là người đào đất đúng vị trí ông đã chôn vàng, nghi ngờ bị cáo là người chiếm giữ nên Ông P tìm gặp và hỏi bị cáo có lấy số vàng chôn ở dưới đất không, bị cáo trả lời không có lấy, Ông P hỏi tiếp, con có lấy thì trả lại đi chú cho con một số vốn để trả nợ làm ăn, bị cáo tiếp tục trả lời không có lấy nên Ông P trình báo sự việc đến Công an thị trấn Gành Hào, tại cơ quan Công an bị cáo đã khai nhận việc phát hiện và chiếm giữ số vàng mà Ông P.

Tại Kết luận giám định số: 4773/KL-KTHS ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 12 miếng kim loại màu vàng gửi giám định có tổng khối lượng: 449,91 gam, chứa thành phần kim loại chính là Vàng (Au), hàm lượng: 99,99%.

Tại Bản kết luận định giá số: 47/HĐ ngày 28 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đông Hải xác định: 12 miếng kim loại màu vàng có tổng trọng lượng 449,91gram, chứa thành phần kim loại chính là vàng (Au) hàm lượng 99,99%; có giá trị: 948.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 23/CT-VKS-HS ngày 29 tháng 8 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cà Mau đã truy tố bị cáo Lâm Hồng N về tội “*Chiếm giữ trái phép tài sản*” theo quy định tại khoản 2 Điều 176 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cà Mau vẫn giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh và hình phạt: Căn cứ vào khoản 2 Điều 176, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Lâm Hồng N phạm tội “*Chiếm giữ trái phép tài sản*” và xử phạt bị cáo mức án từ 03 (ba) năm tù đến 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho Ông P số tiền 88.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy toàn bộ vật chứng của vụ án gồm: 01 (một) hũ được làm bằng thủy tinh và nhựa (màu xanh), phần thủy tinh đã bị vỡ thành nhiều mảnh.

Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đối với bà Sơn Xà Phil có hành vi nhận số tiền 30.000.000 đồng của bị cáo nhưng bà Phil không biết số tiền trên do bị cáo phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Vàng là do bị cáo nhặt được nên bị cáo không đồng ý bị xử phạt hình phạt tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Lâm Hồng N: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại trong giai đoạn điều tra, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Ngày 03 tháng 4 năm 2024 trong lúc đào đất bị cáo Lâm Hồng N phát hiện 15 lượng vàng SJC chôn dưới phần đất gia đình của Ông Huỳnh Văn P tại ấp 3, xã G, tỉnh Cà Mau. Khi tìm thấy vàng bị cáo không biết số vàng trên là của ai, sau đó bỏ vào túi quần đang mặc đem về nhà cất giấu và bán tiêu xài. Đến ngày 15 tháng 4 năm 2024 Ông P yêu cầu bị cáo trả vàng, khi đó bị cáo biết số vàng trên là của Ông P nhưng bị cáo vẫn không trả lại nên Ông P trình báo đến Công an thị trấn Gành Hào, lúc này bị cáo mới khai nhận hành vi phạm tội. Kết luận giám định số tài sản bị cáo chiếm đoạt là vàng hàm lượng 99,99% và có tổng trị là 1.185.000.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 176 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cà Mau đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

Điều 176. Tội chiếm giữ trái phép tài sản

“1. Người nào cố tình không trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc không giao nộp cho cơ quan có trách nhiệm tài sản trị giá từ 10.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc dưới 10.000.000 đồng nhưng tài sản là di vật, cổ vật bị giao nhầm hoặc do mình tìm được, bắt được, sau khi

chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc cơ quan có trách nhiệm yêu cầu được nhận lại tài sản đó theo quy định của pháp luật, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội chiếm giữ tài sản trị giá 200.000.000 đồng trở lên hoặc bảo vật quốc gia, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”.

[3] Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật công nhận và bảo vệ. Mặc dù bị cáo nhận thức được hành vi chiếm giữ trái phép tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do tham lam muốn chiếm hữu số vàng của Ông P mà bị cáo vẫn cố ý phạm tội. Do đó, cần có mức hình phạt thật nghiêm để cải tạo, răn đe đối với bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đồng thời Ông P xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, Ông P chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 88.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường cho Ông P. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của Ông P và bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bị cáo bồi thường cho Ông P số tiền 88.000.000 đồng.

[6] Đối với bà Sơn Xà Phil có hành vi nhận số tiền 30.000.000 đồng của bị cáo nhưng bà Phil không biết số tiền trên do bị cáo phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy toàn bộ vật chứng của vụ án gồm: 01 (một) hũ được làm bằng thủy tinh và nhựa (màu xanh), phần thủy tinh đã bị vỡ thành nhiều mảnh.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm hình sự: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 176, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lâm Hồng N phạm tội “*Chiếm giữ trái phép tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Lâm Hồng N 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lâm Hồng N bồi thường cho Ông Huỳnh Văn P số tiền 88.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên đây, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy toàn bộ vật chứng của vụ án gồm: 01 (một) hũ được làm bằng thủy tinh và nhựa (màu xanh), phần thủy tinh đã bị vỡ thành nhiều mảnh.

(Hiện Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau đang quản lý theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15 tháng 9 năm 2025).

4. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lâm Hồng Nhân phải chịu số tiền 200.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bị cáo Lâm Hồng Nhân phải chịu số tiền 4.400.000 đồng.

5. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực A - Cà Mau;
- Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án hình sự Công an tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Nhi